

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

**TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Số 34 – Lý Tự Trọng – Hồng Bàng – Hải Phòng



THUYẾT MINH

QUY HOẠCH CHI TIẾT RÚT GỌN TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG THCS VĨNH NIỆM

**ĐỊA ĐIỂM: SỐ 29 VĨNH CÁT, PHƯỜNG VĨNH NIỆM,
QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Hải Phòng - /2025

THUYẾT MINH

QUY HOẠCH CHI TIẾT RÚT GỌN TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG THCS VĨNH NIỆM

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 29 VĨNH CÁT, PHƯỜNG VĨNH NIỆM,
QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN

Kèm theo Quyết định số 1929/QĐ-UBND

Ngày 04/...6/2025



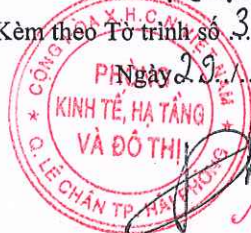
[Signature]
CHỦ TỊCH
Nguyễn Hoàng Linh

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ

ĐÔ THỊ QUẬN LÊ CHÂN

Kèm theo Tờ trình số 31/TTr-KTHT&ĐT

Ngày 29/...5/2025

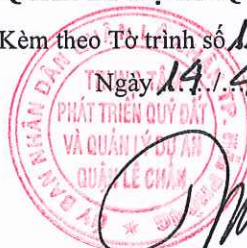


[Signature]
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Đức Toàn

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ
QUẢN LÝ DỰ ÁN QUẬN LÊ CHÂN

Kèm theo Tờ trình số 195/TTr-PTQĐ&QLDA

Ngày 14/...4/2025



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Dũng

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ
QUẢN LÝ DỰ ÁN QUẬN LÊ CHÂN

Kèm theo Tờ trình số 195/TTr-PTQĐ&QLDA

Ngày 14/...4/2025



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Dũng

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH



[Signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Anh Tuấn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: PHẦN MỞ ĐẦU	2
1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch	2
1.2. Các căn cứ lập quy hoạch	3
1.3. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch	4
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH	5
2.1. Điều kiện tự nhiên	5
2.2. Hiện trạng học sinh	5
2.3. Hiện trạng sử dụng đất	5
2.4. Hiện trạng kiến trúc, cảnh quan	5
2.5. Hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường	5
2.5.1. Chuẩn bị kỹ thuật:	5
2.5.2. Giao thông:	6
2.5.3. Cấp nước:	6
2.5.4. Cung cấp năng lượng (cấp điện) và chiếu sáng:	6
2.5.5. Thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:	6
2.5.6. Thông tin liên lạc:	6
2.6. Đánh giá tổng hợp	6
CHƯƠNG 3: NỘI DUNG QUY HOẠCH CHI TIẾT	7
3.1. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch	7
3.1.1. Mục tiêu:	7
3.1.2. Tính chất:	7
3.2. Các vấn đề cơ bản cần giải quyết	7
3.3. Yêu cầu, định hướng tại quy hoạch cấp trên	7
3.4. Lựa chọn chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật áp dụng cho khu vực lập quy hoạch	8
3.5. Quy hoạch sử dụng đất	9
3.6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	10
3.6.1. Quy hoạch giao thông	12
3.6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:	12
3.6.3. Quy hoạch cấp nước	14
3.6.4. Quy hoạch cung cấp năng lượng (cấp điện) và chiếu sáng	16
3.6.5. Quy hoạch thoát nước thải xử lý chất thải rắn	17
3.6.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động	18
CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ	20
CHƯƠNG 5: PHỤ LỤC	21

CHƯƠNG 1: PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Hải Phòng là đô thị loại I trực thuộc Trung ương, có vị trí đặc biệt quan trọng, là trung tâm cấp Quốc gia của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Nghị quyết số 45- NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định: "Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; ...".

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định mục tiêu "Đến năm 2025, thành phố Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; là trọng điểm phát triển kinh tế biển, trung tâm du lịch quốc tế; hoàn thành các tiêu chí đô thị loại I; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao; tạo nền tảng vững chắc để trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, văn minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á vào năm 2030".

Là một trong 3 quận đô thị lịch sử thuộc khu vực đô thị trung tâm của thành phố Hải Phòng, quận Lê Chân có vị trí - vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của thành phố. Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 03/10/2013. Sau khi được phê duyệt, công tác quản lý và đầu tư xây dựng theo Quy hoạch đã từng bước được triển khai thực hiện quyết liệt, diện mạo đô thị Quận đã có nhiều thay đổi, phát triển tích cực cả về cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội cũng như các mặt khác.

Ngày 31/3/2025 Ủy ban nhân dân quận Lê Chân ban hành Quyết định số 833/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng mới dãy nhà B và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Vĩnh Niệm nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của toàn bộ giáo viên nhà trường, tạo vẻ đẹp kiến trúc tương xứng với quy mô hiện hữu, góp phần chỉnh trang đô thị quận Lê Chân.

Việc lập Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Trường THCS Vĩnh Niệm là cần thiết và phù hợp với chủ trương thành phố và quận đề ra.

1.2. Các căn cứ lập quy hoạch

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12; Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12; Luật Đất đai 31/2024/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng hợp nhất Nghị định của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ- TTg ngày 30/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 02/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây Dựng về việc ban hành QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 15/04/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng mới dãy nhà B và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Vĩnh Niệm;

Căn cứ Văn bản tham vấn số 2152/SXD-QHKT ngày 17/4/2025 của Sở Xây dựng; Văn bản số 2648/SGDDĐT-KHTC ngày 29/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Văn bản số 1210/CAHP-PC07 ngày 13/5/2025 của Công An TP. Hải Phòng;

Các quy chuẩn - quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành. Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội được duyệt trên địa bàn;

Các dự án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch chuyên ngành được duyệt trên địa bàn;

Các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận Lê Chân có liên quan trên địa bàn;

Các quy chuẩn, quy phạm, văn bản, tài liệu, quy định ngành có liên quan;

Các văn bản tham gia ý kiến của địa phương, các sở ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và cộng đồng dân cư trên địa bàn;

Bản đồ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500, bản đồ địa chính; Số liệu thống kê do địa phương cung cấp...

1.3. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch

- Vị trí: khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc địa bàn phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Phạm vi ranh giới:

- + Phía Bắc giáp đường Vĩnh Cát và khu dân cư;
 - + Phía Nam giáp khu dân cư hiện trạng;
 - + Phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng;
 - + Phía Tây giáp đường Vĩnh Cát.
- Quy mô diện tích: 4.627,3m².

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH

- Vị trí lập quy hoạch là khu vực trường THCS Vĩnh Niệm.

2.1. Điều kiện tự nhiên

- Địa hình: Khu vực có địa hình bằng phẳng.
- Địa chất: nền đất yếu, cường độ chịu nén đất nền $R = 0,1 \div 0,25 \text{ kg/cm}^2$.
- Khí hậu: Có chung điều kiện khí hậu của Hải Phòng, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa khu vực Duyên hải Bắc Bộ: Nóng ẩm, mưa nhiều, có 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông tương đối rõ rệt.

- Nhiệt độ trung bình hàng năm: 23°C .
- Độ ẩm trung bình hàng năm: 83,8%.
- Lượng mưa trung bình hàng năm: 1780 mm.
- Hướng gió hiện hành: Mùa mưa: Đông Nam; Mùa khô: Đông Bắc.
- Thủy văn: chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn nhật triều.
- Cảnh quan thiên nhiên: mang cảnh quan đặc trưng của khu vực đô thị cũ.

2.2. Hiện trạng học sinh

Trường THCS Vĩnh Niệm hiện có khoảng 1.035 học sinh.

2.3. Hiện trạng sử dụng đất

- Quỹ đất trong khu vực lập quy hoạch là khu vực đất giáo dục.
- Thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch như sau:

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT					
STT	LOẠI ĐẤT	KH	DIỆN TÍCH (M ²)	TẦNG CAO	MẬT ĐỘ (%)
I	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG		1.756,0		37,9
	Nhà B (phòng học)	CT1	297,4	2	
	Nhà đa năng	CT2	357,6	1	
	Nhà A (phòng học)	CT3	235,0	4	
	Nhà C (phòng học và hiệu bộ)	CT4	806,9	4	
	Nhà vệ sinh	CT5	59,1	1	
II	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ		2.871,3		62,1
	TỔNG DIỆN TÍCH		4.627,3		100,0

2.4. Hiện trạng kiến trúc, cảnh quan

- Hiện trạng kiến trúc: Trong ranh giới lập quy hoạch chủ yếu là các dãy phòng học và hành chính có tầng cao khoảng 1- 4 tầng.

- Hiện trạng cảnh quan khu vực lập quy hoạch: Là trường trung học cơ sở.

2.5. Hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường

2.5.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cốt nền xây dựng (hệ cao độ Lục địa): Khu vực nghiên cứu cao độ trung bình từ +1,61 đến +1,92m.

- Thoát nước mưa: Nước mưa hiện trạng thoát ra tuyến ống thoát nước mưa hiện trạng trên đường Vĩnh Cát.

- Nhận xét:

- Thuận lợi thoát nước vì đã có hệ thống cống thoát nước mưa hiện trạng.

- Cao độ nền chưa đạt theo quy hoạch cấp trên.

2.5.2. Giao thông:

- Phía Tây giáp đường Vĩnh Cát hiện trạng lộ giới khoảng từ 4,5m đến 4,9m;

2.5.3. Cấp nước:

- Khu vực lập quy hoạch đã được cấp nước sạch.
- Nguồn nước sạch:
 - + Từ nhà máy nước An Dương công suất 200.000m³/ngđ
 - + Điểm đầu cấp nước cho khu vực nghiên cứu: Trên vỉa hè đường Vĩnh Cát hiện có tuyến cấp nước hiện trạng.

2.5.4. Cung cấp năng lượng (cấp điện) và chiếu sáng:

- Nguồn điện: khu vực dự án đang được cấp điện từ trạm biến áp hiện trạng trên vỉa hè đường Vĩnh Cát.
- Chiếu sáng: khu vực nghiên cứu hiện có hệ thống chiếu sáng trên vỉa hè đường Vĩnh Cát và hệ thống chiếu sáng trong sân trường.

2.5.5. Thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

- Nước thải hiện trạng được xử lý cục bộ qua bể xử lý nước thải ngầm đạt chuẩn sau đó được thu gom vào đường ống thoát nước mưa hiện trạng trên đường Vĩnh Cát.
- Xử lý chất thải rắn: chất thải rắn khu vực nghiên cứu và dân cư xung quanh hiện được đơn vị chuyên môn thu gom, vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn cấp thành phố xử lý.

2.5.6. Thông tin liên lạc:

- Trong khu vực lập quy hoạch hiện đã được phủ sóng thông tin liên lạc.
- Nguồn tín hiệu kết nối với hệ thống thông tin liên lạc của quận Lê Chân.

2.6. Đánh giá tổng hợp

- Điểm mạnh:
 - + Giao thông đối ngoại thuận tiện: giáp đường Vĩnh Cát;
 - + Địa hình bằng phẳng, thuận lợi trong quá trình xây dựng;
 - + Giáp khu vực dân cư hiện hữu, thuận lợi cho kết nối hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.
- Điểm yếu: Không có khả năng mở rộng quỹ đất.
- Cơ hội:
 - + Góp phần cải tạo, chỉnh trang đô thị;
 - + Được xác định là một trong những khu vực điểm nhấn đô thị của khu vực.
- Thách thức:
 - + Thay đổi cảnh quan tự nhiên;
 - + Quá trình xây dựng công trình tác động đến môi trường.
- Giải pháp:
 - + Lập quy hoạch và đánh giá tác động môi trường đầy đủ;
 - + Thực hiện đầu tư theo quy hoạch được duyệt, quan trắc và xây dựng các biện pháp bảo vệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

CHƯƠNG 3: NỘI DUNG QUY HOẠCH CHI TIẾT

3.1. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch

3.1.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hoá Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025.
- Đầu tư xây dựng trường THCS Vĩnh Niệm nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của toàn bộ giáo viên nhà trường, tạo vẻ đẹp kiến trúc tương xứng với quy mô hiện hữu, góp phần chỉnh trang đô thị quận Lê Chân.

3.1.2. Tính chất:

Là khu vực đất giáo dục (trường THCS Vĩnh Niệm).

3.2. Các vấn đề cơ bản cần giải quyết

- Quy hoạch chi tiết cần tuân thủ quy hoạch chung xây dựng thành phố và Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đã được duyệt.
- Tận dụng tối ưu quỹ đất để đề xuất phương án quy hoạch phù hợp.
- Kết nối hài hoà với không gian kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khu vực.

- Bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

3.3. Yêu cầu, định hướng tại quy hoạch cấp trên

Theo Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ, khu vực đề xuất điều chỉnh quy hoạch nằm trong vùng định hướng phát triển không gian là “Vùng đô thị hiện hữu cải tạo chỉnh trang”, quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng là “Khu đất đơn vị ở (hiện trạng cải tạo)”.

Ngày 03/10/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1931/QĐ-UBND về phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025 kèm quy định quản lý: “*Cải tạo chỉnh trang các công trình đã xuống cấp, bổ sung xây mới các công trình tiện ích công cộng: Trường học, nhà trẻ, các trạm y tế, chợ dân sinh (tận dụng quỹ đất trống, các khu nhà ở lấn chiếm xây dựng mật độ thấp, quy đất khi chuyển đổi chức năng các xí nghiệp sản xuất trên địa bàn quận)*”

Hiện nay, chương trình phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo triển khai phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt. Theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ, việc “đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị trong Chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có). Trường hợp Chương trình phát triển đô thị chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị trong quy hoạch chung hoặc quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt”. Dự án được lập phù hợp với định hướng phát triển đô thị tại các đồ án quy hoạch: “Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/03/2023”, “Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025 (Đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh tại khu vực này)”.

Khu đất phần lớn thuộc lô đất CCO/45-5 (4.475,1m²), theo Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025 một phần lô đất CCO/45-5 có các yêu cầu chủ yếu sau:

- + Chức năng sử dụng đất: Đất giáo dục.
- + Tầng cao tối đa: 06 tầng.

Một phần nhỏ diện tích (152,2m²) thuộc quy hoạch đất ở hiện trạng. Theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đang được trình duyệt, toàn bộ diện tích trường Trường THCS Vĩnh Niệm thuộc lô đất có chức năng sử dụng đất là đất giáo dục.

3.4. Lựa chọn chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật áp dụng cho khu vực lập quy hoạch

a) Quy mô học sinh:

- Trường THCS Vĩnh Niệm hiện có 23 lớp học, sĩ số khoảng 45 học sinh/lớp học, tổng số học sinh khoảng 1.035 học sinh.

b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tuân thủ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố;

*** Chỉ tiêu sử dụng đất:**

+ Tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16-12-2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tỷ lệ trồng cây xanh, sân thể dục thể thao tối thiểu trong lô đất xây dựng công trình: 30%.

* Cao độ san nền: $\geq +2,46\text{m}$ (cao độ Lục địa)

*** Cấp điện:**

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| + Công trình trường học | : 0,15kW/cháu. |
| + Chiếu sáng sân đường | : 1W/m ² . |
| + Chiếu sáng vườn hoa | : 0,5W/m ² |

*** Cấp nước:**

- | | |
|-------------------------|------------------------------------|
| + Nước sinh hoạt | : 15 lít/học sinh/ngày.đêm |
| + Nước tưới vườn hoa | : 3 lít/m ² /ngày đêm |
| + Nước rửa đường | : 0,4 lít/m ² /ngày đêm |
| + Nước dự phòng | : 25%Q. |
| + Nước thất thoát rò rỉ | : 12%Q |
| + Nước cứu hỏa | : 10%Q |

*** Thoát nước thải:**

- Chỉ tiêu phát sinh nước thải $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước. Lượng CTR công cộng phát sinh: 0,5 tấn/ha.

* Thông tin liên lạc: 01 thuê bao/200m² sàn.

3.5. Quy hoạch sử dụng đất

- Khu vực lập quy hoạch gồm các loại đất: đất xây dựng công trình, đất cây xanh - sân thể dục thể thao, đất hạ tầng kỹ thuật khác, đất quy hoạch giao thông sân đường nội bộ. Cụ thể:

+ Bố trí đất xây dựng công trình hiện trạng trong khu đất với tổng diện tích là 1.930,6m² chiếm tỷ lệ 41,7% tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch.

+ Đất cây xanh - sân thể dục thể thao tổng diện tích là 1.393,2m² chiếm tỷ lệ 30,1% tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch.

+ Đất hạ tầng kỹ thuật khác có diện tích là 10,0m² chiếm tỷ lệ 0,2% tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch.

+ Tổng diện tích đất giao thông và sân đường nội bộ có tổng diện tích khoảng 1.293,5m² chiếm tỷ lệ 28,0% diện tích nghiên cứu quy hoạch.

- Tỷ lệ các loại đất và các chỉ tiêu sử dụng đất với từng loại đất cụ thể trong các bảng thống kê sau:

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT					
STT	LOẠI ĐẤT	KH	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (Tầng)
I	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH		1.930,6	41,7	
1	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH XÂY MỚI GIAI ĐOẠN NÀY		375,0		
	Nhà B (phòng học)	CT1	375,0		4
2	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH XÂY MỚI/CẢI TẠO GIAI ĐOẠN SAU		421,4		
	Nhà đa năng (cải tạo)	CT2	357,6		2
	Nhà để xe (xây mới)	CT3	63,8		1
3	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG		1.134,2		
	Nhà A (phòng học)	CT4	235,0		4
	Nhà C (phòng học và hiệu bộ)	CT5	806,9		4
	Sân khấu	CT7	92,3		1
II	ĐẤT CÂY XANH - SÂN THỂ DỤC THỂ THAO		1.393,2	30,1	
1	ĐẤT CÂY XANH		815,7		
	Cây xanh	CX1	693,7		
	Cây xanh	CX2	122,0		
2	ĐẤT SÂN THỂ DỤC THỂ THAO		577,5		
	Sân thể dục thể thao	TDTT1	178,9		
	Sân thể dục thể thao	TDTT2	224,9		
	Sân thể dục thể thao	TDTT3	173,7		
III	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC		10,0	0,2	
	Trạm bơm	HTKT	10,0		
IV	ĐẤT GIAO THÔNG SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ		1.293,5	28,0	
	TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH		4.627,3	100,0	

Dự án Trường THCS Vĩnh Niệm có:

Mật độ xây dựng là 41,9%; Hệ số sử dụng đất: 1,41 lần.

Khoảng lùi công trình đối với các trục đường trong khu vực lập quy hoạch tuân thủ quy định trong bảng sau:

Bề rộng đường tiếp giáp với lô đất xây dựng công trình (m)	Chiều cao xây dựng công trình (m)			
	< 19	19 ÷ < 22	22 ÷ < 28	≥ 28
< 19	0	3	4	6
19 ÷ < 22	0	0	3	6
≥ 22	0	0	0	6

Mật độ xây dựng; Hệ số sử dụng đất; Khoảng lùi công trình trong khu vực lập quy hoạch đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, được nghiên cứu tính toán cụ thể ở giai đoạn tiếp theo.

Bố trí bãi đỗ xe chữa cháy có kích thước 6,0*16,0 m, đảm bảo theo bảng 14 và 15 của tiết 6.2.1 và tiết 6.2.2 tiêu mục 6.2 Mục 6 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình được ban hành kèm Thông tư 06/2022/TT-BXD.

- Phân kỳ đầu tư gồm 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: xây dựng mới dãy nhà B và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Vĩnh Niệm, bố trí nhà để xe khoảng 280m² ở tầng 1 và 9 phòng học, tăng số lượng phòng học từ 27 phòng (17 phòng học và 10 phòng bộ môn) lên 28 phòng (18 phòng học và 10 phòng học bộ môn). Quy mô lớp học giữ nguyên với 23 lớp, số lượng học sinh là 1.035.

+ Giai đoạn 2: xây mới 1 nhà để xe và cải tạo nâng dãy nhà đa năng lên 2 tầng bố trí thêm các phòng phụ trợ, số lượng phòng học giữ nguyên 30 phòng (18 phòng học và 10 phòng học bộ môn). Quy mô lớp học giữ nguyên với 23 lớp, số lượng học sinh là 1.035.

3.6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tuân thủ và đảm bảo cơ cấu, hoạt động của trường Trung học cơ sở, bố trí trồng cây xanh, tạo đường dạo, xây dựng mới công trình nhà lớp học, cùng với các công trình hiện trạng hoàn chỉnh cơ cấu của Trung học cơ sở, đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy của học sinh và giáo viên trong trường.

Cảnh quan: cảnh quan mang định hướng của một trường Trung học cơ sở hiện đại, tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan góp phần tạo dựng hình ảnh cho đô thị quận Lê Chân.

Tổng hợp số phòng của toàn trường theo hiện trạng, và số phòng sau khi xây mới/cải tạo giai đoạn sau.

Stt	Tên phòng	Số lượng phòng theo TT13/2020/TT-BGDDT (Tiêu chuẩn 1)	Báo cáo hiện trạng trường THCS Vĩnh Niệm	Sau khi xây mới/cải tạo giai đoạn sau
1	Khối phòng hành chính quản trị			
2	Phòng Hiệu trưởng	1	1	1
3	Phòng Hiệu phó	1	1	1
4	Phòng truyền thống (bổ sung cho tiêu chuẩn 2)	1	1	1
5	Văn phòng	1	0	1
6	Phòng bảo vệ	1	1	1

Thuyết minh: QHCT rút gọn tỷ lệ 1/500 Trường THCS Vĩnh Niệm

Stt	Tên phòng	Số lượng phòng theo TT13/2020/TT-BGDĐT (Tiêu chuẩn 1)	Báo cáo hiện trạng trường THCS Vĩnh Niệm	Sau khi xây mới/cải tạo giai đoạn sau
7	Khu vệ sinh giáo viên	1	4	4
8	Khu để xe giáo viên	1	1	1
9	Phòng tổ chức Đảng, đoàn thể	1	0	1
10	Khối phòng học tập			
11	Phòng học	đảm bảo mỗi lớp 1 phòng	17	18
12	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1	1
13	Phòng học bộ môn Mỹ Thuật	1	1	1
14	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	1	1
15	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	1	3	3
16	Phòng học bộ môn Tin học	2	2	2
17	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	2	1	1
18	Phòng đa chức năng	2	1	1
19	Khối phòng hỗ trợ học tập			
20	Thư viện	1	1	1
21	Phòng thiết bị giáo dục	1	1	1
22	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập	1 (bố trí tầng 1)	0	1
23	Phòng truyền thống	1	1	1
24	Phòng Đoàn, Đội	1	1	1
25	Khối phụ trợ			
26	Phòng họp	1	1	1
27	Phòng các tổ chuyên môn	đảm bảo mỗi tổ một phòng	2	2
28	Phòng Y tế trường học	1	1	1
29	Phòng nghỉ giáo viên	1	1	1
30	Nhà kho	1	0	1
31	Khu để xe học sinh	1	1	1
32	Khu vệ sinh học sinh	1	2	2
33	Cổng, hàng rào	1	1	1
34	Khu sân chơi, thể dục thể thao	1	1	1
35	Nhà đa năng (bổ sung cho tiêu chuẩn 2)	1	1	1

a. Nguyên tắc chung:

- Gắn kết chặt chẽ khu vực quy hoạch với các khu đô thị lân cận và hạ tầng kỹ thuật, môi trường.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tuân thủ: Đảm bảo mỹ quan và công năng sử dụng; hình thành tổng thể kiến trúc hiện đại. Đảm bảo các quy định về khoảng lùi, quy định về đầu nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật với các công trình hiện trạng và khu vực.

- Khai thác có hiệu quả quỹ đất, bảo vệ tài nguyên - môi trường.

b. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tuân thủ và đảm bảo cơ cấu, hoạt động của trường học. Bố trí các vườn hoa, cây xanh tại trung tâm khu đất kết hợp với dải cây xanh

xung quanh ranh giới trường để tạo điểm nhấn xanh đồng thời cải thiện vi khí hậu, tạo môi trường trong lành, giảm thiểu tiếng ồn cho trường học.

- Kiến trúc: Hình thức kiến trúc hiện đại, phù hợp với công năng sử dụng môi trường giáo dục và các công trình kiến trúc lân cận.

- Cảnh quan: Bố trí không gian cảnh quan hài hoà với không gian cảnh quan đô thị hiện hữu và cảnh quan các dự án xung quanh.

c. Thiết kế đô thị:

- Công trình điểm nhấn theo các hướng, tầm nhìn: không xác định công trình điểm nhấn trong đồ án.

- Cốt xây dựng: $\geq +2,46\text{m}$ (hệ cao độ lục địa).

- Khoảng lùi tối thiểu của các công trình theo bề rộng lộ giới đường và chiều cao xây dựng công trình: tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

- Yêu cầu về bố trí công trình, cốt nền thống nhất cụ thể như sau::

- + Tầng cao xây dựng công trình: 04 tầng

- + Chiều cao nền nhà tính từ sân: $\leq 0,45\text{m}$

- + Chiều cao công trình: $17,55\text{m} \div \leq 19\text{m}$ tính từ cốt sân (tầng 1: $3,9\text{m} \div \leq 4,5\text{m}$, tầng 2,3,4: $3,9\text{m} \div \leq 4,2\text{m}$, tầng mái $\leq 1,5\text{m}$)

- Hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc: Xây dựng hình khối nhà học với kiến trúc dựa trên công năng sử dụng của công trình, đảm bảo tính cân đối hài hòa với không gian kiến trúc cảnh quan xung quanh; Hình khối công trình chủ đạo là hình hộp chữ nhật, đường nét đơn giản, cô đọng.

- Hàng rào công trình: thống nhất theo quy định của từng khu vực, chi tiết trong bản vẽ thiết kế.

- Màu sắc công trình phù hợp với từng công năng của khối công trình.

- Vật liệu xây dựng chủ đạo: vật liệu xây dựng địa phương kết hợp vật liệu xây dựng hiện đại.

- Tổ chức sân vườn, cây xanh: Ưu tiên tối đa bố trí cây xanh trong trường tạo không gian trong lành, cũng như giảm thiểu tác động tiêu cực như bụi, tiếng ồn trong khu vực đô thị hiện hữu.

- Hệ thống cây xanh: gồm cây xanh trong sân vườn, cây xanh đường phố và cây xanh trong công trình: được nghiên cứu trồng phù hợp với các quy định và điều kiện khí hậu khu vực.

- Tiểu cảnh, tiện ích công cộng: nghiên cứu sử dụng các loại hình kiến trúc nhỏ, các tác phẩm trang trí phù điêu, điêu khắc... lồng ghép với tiện ích sử dụng như các điểm nghỉ ngơi, vui chơi, thư giãn, học tập cho học sinh. Bố trí các điểm đặt thùng rác, biển chỉ dẫn, đèn chiếu sáng, đèn trang trí trong trường.

3.6.1. Quy hoạch giao thông

- Phía Tây:

+ Theo Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025; định hướng quy hoạch đường Vĩnh Cát (mặt cắt 1-1) lộ giới 13,5m;

3.6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

3.6.2.1. Cao độ nền xây dựng

a) Cơ sở thiết kế:

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- TCVN 4447-2012: Công tác đất - thi công và nghiệm thu
- TCXD 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền. Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- Quyết định 1931/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 510/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt thành phố Hải Phòng đến năm 2025.

- Quyết định 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Cao độ nền xây dựng (Cao độ lục địa):

- Căn cứ định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật trong đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 quận Lê Chân, khu vực nghiên cứu cốt nền +2,46m.
- Đảm bảo sự tiêu thoát nước tự chảy, không ngập lụt trong quá trình sử dụng, phù hợp với cao độ san nền chung của khu vực.
- Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước mưa trong khu vực, không làm ảnh hưởng đến hoạt động tiêu, thoát hiện có của khu vực lân cận.
- Khối lượng thi công đắp nền ít nhất.
- Lựa chọn cao độ nền khu vực quy hoạch +2,46m.

3.6.2.2. Quy hoạch thoát nước mưa

a) Cơ sở thiết kế:

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật
- TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Quyết định 1931/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 510/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt thành phố Hải Phòng đến năm 2025.

- Quyết định 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Phễu án thoát nước:

- Thoát nước mưa riêng với nước thải.
- Hướng thoát nước: Dựa vào độ dốc san nền, nước mặt được thu gom và theo hệ thống cống thoát ra đường cống D400 trên đường Vĩnh Cát và thoát ra sông Lạch Tray.
- + Giai đoạn đầu: nước mặt được thu gom vào hệ thống cống thoát ra đường cống hiện trạng trên đường Vĩnh Cát và thoát ra sông Lạch Tray.
- + Giai đoạn sau: khi đường Vĩnh Cát được mở rộng theo quy hoạch và tuyến cống thoát nước được xây dựng mới, nước mặt khu vực nghiên cứu sẽ được thu gom và đầu nối vào tuyến cống trên.
- Giải pháp thoát nước mưa:
- + Chọn hướng thoát theo hướng dốc của san nền và được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất.
- + Mạng lưới đường cống trong khu vực nghiên cứu: D500.

3.6.3. Quy hoạch cấp nước

a) Cơ sở thiết kế:

- “QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và an toàn cháy cho nhà và công trình” và “Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình”.
- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế.
- TCXD 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 4513 : 1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- Các luật, nghị định, thông tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn ... liên quan.

b) Tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước:

- Tiêu chuẩn dùng nước:
 - + Nước sinh hoạt : 15 lít/học sinh/ngày.đêm
 - + Nước tưới vườn hoa : 3 lít/m²/ngày đêm
 - + Nước rửa đường : 0,4 lít/m²/ngày đêm
 - + Nước dự phòng : 25%Q.
 - + Nước thất thoát rò rỉ : 12%Q
 - + Nước cứu hỏa : 10%Q

Nhu cầu cấp nước chữa cháy: Theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình - QCVN 06:2022/BXD”. Khu vực quy hoạch được tính với 1 đám cháy có lưu lượng nước chữa cháy $q = 30\text{l/s}$ trong 3 giờ liên tục.

Thuyết minh: QHC1 rút gọn tỷ lệ 1/500 Trường THCS Vĩnh An

STT	Chỉ tiêu	Ký hiệu	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu dùng nước (lít-ngđ)	Đơn vị	Lưu lượng
1	Tổng lưu lượng cấp nước trung bình	Qtb				m ³ /ngày đêm	20,2
1.1	Nước sinh hoạt	Qsh	1035	hs	15		15,5
1.2	Nước tưới vườn hoa	Qth	1.393,2	m ²	3		4,2
1.3	Nước rửa đường	Qrd	1.293,5	m ²	0,4		0,5
2	Nước dự phòng				25%Qtb		5,1
3	Nước cứu hoả	Qch			10%Qtb		2,0
4	Lượng nước thất thoát, rò rỉ	Qrr			12%(Qtb+Qch)		2,7
Tổng lưu lượng nước tính toán trong ngày		Qml	30,0				

- Nguồn cấp: được lấy từ nhà máy nước An Dương từ đường ống cấp nước hiện trạng trên đường Vĩnh Cát.

- Mạng lưới đường ống:

- Đường ống cấp nước từ hệ thống cấp nước hiện trạng bằng tuyến ống D50.

- Quy hoạch ống cấp nước cho khu lập quy hoạch có kích thước đường ống từ D50.

Mạng lưới cấp nước là mạng vòng đảm bảo bảo an toàn và liên tục.

- Công trình đầu mối: bể chứa nước ngầm và trạm bơm phục vụ cho cấp nước chữa cháy hiện trạng phía Nam trường học.

- Tính toán thủy lực đường ống cấp nước:

+ Tính toán thủy lực đường ống cấp nước theo công thức Hazen - William: Tổn thất áp lực là hàm của hệ số C, thay đổi theo đường kính ống và tình trạng bề mặt bên trong của ống.

$$J = 6,824 \times (V / C)^{1,852} \times D^{-1,167}$$

Trong đó:

J: tổn thất theo chiều dài

V: vận tốc trung bình tại mặt cắt đang nghiên cứu D: đường kính trong (m)

C: hệ số tổn thất. Giá trị trung bình của hệ số C cho các vật liệu ống khác nhau:

Ống PVC; HDPE: 140÷150. Ống thép đúc: 130÷150.

c) Cấp nước chữa cháy (ngoài nhà):

- Mạng lưới cấp nước chữa cháy là mạng lưới riêng với mạng lưới cấp nước sinh hoạt.

- Nước phục vụ chữa cháy lấy từ đường ống D150 đầu nối với 02 họng cứu hỏa và bể cấp nước phòng cháy chữa cháy ngầm.

- Bên trong công trình sẽ được thiết kế, tính toán và thiết kế tại các bước tiếp theo của dự án.

- Nguồn nước phục vụ chữa cháy:

+ Từ mạng lưới cấp nước của khu vực thông qua các trụ cứu hỏa bể nước dự trữ nước chữa cháy.

+ Mạng lưới cấp nước chữa cháy là các tuyến ống thép mạ kẽm, hoặc thép đen D150 riêng với cấp nước sinh hoạt trên đó có bố trí các trụ tiếp nước, trụ nước chữa cháy khoảng cách tuân theo các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn... hiện hành. Vị trí

thuận tiện cho xe vào lấy nước chữa cháy, các trụ có thể đặt nổi hoặc chìm đảm bảo mỹ quan với khu vực thiết kế.

+ Khi có cháy nước từ bể dự trữ nước chữa cháy thông qua trạm bơm nước chữa cháy bơm đến khu vực có cháy.

* **Ghi chú:** Mạng lưới cấp nước chữa cháy là mạng lưới cấp nước chữa cháy bên ngoài công trình. Đối với các công trình, hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế tại các bước tiếp theo của dự án.

3.6.4. Quy hoạch cung cấp năng lượng (cấp điện) và chiếu sáng

3.6.4.1. Cấp điện

* **Cơ sở thiết kế:**

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Quy phạm trang bị điện: 11TCN – (19, 20, 21) – 2006 do Bộ Công nghiệp ban hành năm 2006.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9206: 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng.

- Các luật, nghị định, thông tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan.

* **Chỉ tiêu tính toán:**

- + Công trình trường học : 0,15kW/cháu.
- + Chiếu sáng sân đường : 1W/m².
- + Chiếu sáng vườn hoa : 0,5W/m²

* **Nhu cầu sử dụng điện:**

Bảng phụ tải nhu cầu sử dụng điện

STT	Chỉ tiêu	Ký hiệu	Đơn vị	Công suất điện tính toán
1	Công suất cấp điện cho lớp học	Ptt1	KW	207,0
	Tổng số học sinh		HS	1.035
	Tiêu chuẩn cấp điện		kW/HS	0,2
2	Công suất cấp điện cho vườn hoa	Ptt2	KW	0,7
	Diện tích đất		m2	1393,2
	Tiêu chuẩn cấp điện		W/m2	0,5
3	Công suất cấp điện cho giao thông	Ptt3	KW	1,3
	Diện tích đất		m2	1293,5
	Tiêu chuẩn cấp điện		W/m2	1,0
Tổng công suất (Ptt= Ptt1+Ptt2+Ptt3)			KW	209,0
Hệ số đồng thời				0,80
Công suất tính toán			KW	167,2
Công suất toàn phần			KW	192,3

Trong đó:

- + Kđt: Hệ số sử dụng đồng thời
- + Hệ số công suất = 0,8
- + Dự phòng 10% + tổn hao 5%.

* **Nguồn điện:**

Từ trạm biến áp trạm biến áp TBA Vĩnh Niệm 2 công suất 630KVA-22/0,4KV trên vỉa hè đường Vĩnh Cát.

*** Lưới điện:**

+ Lưới hạ áp: từ trạm biến áp dự kiến cấp nguồn đến các hộp phụ tải bằng các tuyến cáp ngầm 0,4kV CU/XLPE/PVC 4x120mm².

Đường cáp ngầm được đặt trực tiếp trong hào cáp, đoạn qua đường được luồn trong ống nhựa HDPE chịu lực và được chôn trực tiếp trong đất. Cáp điện có đặc tính chống thấm dọc. Cáp ngầm được chôn sâu tối thiểu 0,7m so với cốt san nền, lớp dưới cùng là cát đen đầm chặt dày 0,3m. Trên lớp cát đen đặt gạch chỉ (9 viên/1m) để bảo vệ cáp, lớp trên cùng là lớp đất mịn ở độ sâu 0,2m so với cốt san nền. Phía trên vỉa hè hoặc đường phải đặt các viên bảo cáp bằng sứ.

3.6.4.2. Quy hoạch chiếu sáng

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch sử dụng hệ thống chiếu sáng trên vỉa hè đường Vĩnh Cát và hệ thống chiếu sáng trong sân trường.

+ Chiếu sáng sân: Sử dụng cột đèn cần đơn bố trí một bên với khoảng cách giữa hai cột đèn chiếu sáng từ 30m đến 35m. Sử dụng loại cột thép bát giác côn liền cần đơn, mạ nhúng kẽm nóng, chiều cao từ 8m đến 10m.

+ Đèn chiếu sáng: Sử dụng đèn Led tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường; Công suất 115w/đèn; Cấp bảo vệ: IP66; Cấp cách điện: CLASS I.

3.6.5. Quy hoạch thoát nước thải xử lý chất thải rắn

3.6.5.1. Thoát nước thải:

*** Cơ sở thiết kế:**

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- TCVN 7957:2023 Tiêu chuẩn Việt Nam về thoát nước - mạng lưới và công trình

bên ngoài – Yêu cầu thiết kế.

- Các luật, nghị định, thông tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quyết định ... liên quan.

*** Chỉ tiêu tính toán và lượng nước thải phát sinh:**

- Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy theo tiêu chuẩn nước cấp.
- Tỷ lệ thu gom lấy bằng 100% lượng nước cấp cho sinh hoạt (không tính nước tưới cây, rửa đường, chữa cháy) để tính toán.

Bảng tính lưu lượng nước thải phát sinh

Bảng tính lưu lượng nước thải phát sinh							
STT	Chỉ tiêu	Ký hiệu	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu dùng nước (lít-ngđ)	Đơn vị	Lưu lượng
1.1	Nước sinh hoạt	Qsh	1.035	hs	15		15.5
Tổng lưu lượng nước tính toán trong ngày		Qml					15,5

⇒ Lượng nước thải phát sinh:

- Lượng nước thải thu gom trung bình: $Q_{tb} = 15,5m^3/ngđ$.
- Lượng nước thải thu gom lớn nhất (làm tròn): $Q_{max} = 16m^3/ngđ$.

*** Giải pháp thoát nước thải:**

- Xây dựng hệ thống cống thoát nước thải riêng
+ Giai đoạn đầu: Toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý cục bộ qua bể xử lý nước thải ngầm đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A sau đó thu gom vào đường ống thoát nước mưa hiện trạng của đường Vĩnh Cát; sau đó thoát ra sông Lạch Tray.

+ Giai đoạn sau: Toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom vào đường ống thoát nước thải quy hoạch D400 dọc đường Vĩnh Cát thoát về khu xử lý nước thải Vĩnh Niệm (theo đồ án Điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 03/10/2013).

*** Mạng lưới đường cống:**

- Cống thoát nước tự chảy có kích thước D300.
- Độ sâu chôn cống tối thiểu đối với cống thoát nước thải tự chảy đặt dưới khu vực không có xe cơ giới là 0,3m.
- Đường cống thoát nước thải được thiết kế đảm bảo độ dốc tối thiểu 1/D để nước thải có thể tự chảy.

3.6.5.2. Xử lý chất thải rắn:

*** Cơ sở thiết kế:**

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- QCVN 07-9:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.
- Các luật, nghị định, thông tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn,... liên quan.

*** Lựa chọn chỉ tiêu tính toán:**

- Lượng CTR công cộng: 0,5 tấn/ha.
- Tỷ lệ thu gom CTR: 100%.
- Khối lượng chất thải rắn phát sinh: Căn cứ số liệu khu vực lập quy hoạch Khối lượng CTR phát sinh khoảng 0,2 tấn/ngày.

*** Quản lý chất thải rắn:**

- Phân loại CTR ngay từ nguồn phát thải thành vô cơ (thu gom định kỳ) và hữu cơ (thu gom hàng ngày). Bố trí điểm tập kết chất thải rắn (thùng rác) bên trong công trình để thuận tiện thu gom.

- Chất thải rắn sinh hoạt được vận chuyển về khu xử lý CTR tập trung cấp thành phố.

3.6.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

a) Cơ sở thiết kế:

- Nghị định 25/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

- Nghị định 72/2012/NĐ-CP về Quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác liên quan.

b) Chỉ tiêu tính toán và nhu cầu sử dụng:

- Chỉ tiêu tính toán dung lượng thuê bao: 01 thuê bao/200m² công cộng.

- Tổng số thuê bao cấp cho khu vực quy hoạch là khoảng 15 thuê bao.

c) Giải pháp thiết kế:

- Nguồn cấp: Hệ thống thông tin liên lạc của khu vực quy hoạch được kết nối vào mạng viễn thông chung của quận Lê Chân. Khu vực thiết kế được đảm bảo về dung lượng cũng như lưu lượng thuê bao dự kiến.

- Phương thức:

- + Áp dụng công nghệ truy cập mạng quang thụ động theo chuẩn mạng GPON, (Gigabit-capable Passive Optical Networks) – Mạng quang thụ động tốc độ Gigabit.

- + Sử dụng dịch vụ viễn thông FTTH (Fiber To The Home) đây là mạng viễn thông băng thông rộng sử dụng công nghệ cáp quang để cung cấp các dịch vụ tốc độ cao được nối đến tận công trình.

- + Đường truyền dữ liệu đảm bảo được các nhu cầu sử dụng theo từng khu vực, theo từng giai đoạn sao cho dung lượng của các đường cáp không lãng phí, đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin trong tương lai.

- Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi có xét đến khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng để phát triển dịch vụ.

- Hạ ngầm cáp thông tin để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan, đồng thời phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng cơ sở khác.

- Cáp quang được luồn trong ống nhựa HDPE, cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp có dầu chống ẩm đi trong ống PVC, đoạn cáp đi dưới đường phải luồn trong ống thép.

CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

- Đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn được lập đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo mục tiêu đề ra. Quy hoạch được thực hiện sẽ hình thành Trường THCS Vĩnh Niệm theo định hướng và đồng bộ với định hướng quy hoạch cấp trên, đồng thời tạo điểm nhấn cho khu vực dân cư hiện hữu.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân quận phê duyệt đồ án quy hoạch, làm công cụ cấp giấy phép xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, thực hiện quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Sau khi quy hoạch được duyệt, có kế hoạch công bố công khai, tuyên truyền rộng rãi để các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư thực hiện và giám sát việc thực hiện quy hoạch./.

CHƯƠNG 5: PHỤ LỤC

BÁO CÁO TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VỀ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT RÚT GỌN TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĨNH NIỆM

Sau khi nghiên cứu các nội dung, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn báo cáo tổng hợp, giải trình và tiếp thu các ý kiến tham gia đóng góp của các Sở, ban, ngành cụ thể như sau:

STT	Ý kiến của các Sở, ngành	Ý kiến giải trình của CĐT
1	Ý kiến của Công an thành phố Hải Phòng (tại văn bản số 1210/CATP-PC07 ngày 13/05/2025)	
	1. Việc thiết kế đường giao thông phục vụ chữa cháy phải đảm bảo kích thước, quy cách, chịu được tải trọng của xe chữa cháy theo các yêu cầu quy định tại quy chuẩn QCVN06:2022/BXD và sửa đổi 01:2023 QCVN 06/2022/BXD. 2. Các khoảng cách an toàn PCCC chưa đảm bảo theo quy định gồm: Khoảng cách từ Nhà lớp học xây 04 tầng (ký hiệu CT7) đến Dây nhà lớp học xây 5 tầng (ký hiệu CT1) và Dây nhà lớp học, hiệu bộ xây 04 tầng (ký hiệu CT5); Khoảng cách từ Nhà lớp học xây 04 tầng (ký hiệu CT7) đến ranh giới đất phía Đông Bắc. Đề nghị chủ đầu tư điều chỉnh hoặc áp dụng các giải pháp giảm trừ theo quy định tại phụ lục E của Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 01:2023 QCVN 06/2022/BXD để đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC. 3. Lưu ý: Khi các nhà lớp học bố trí học sinh khiếm khuyết về thể chất và (hoặc) trí tuệ thì chiều cao PCCC của các nhà lớp học không	1. Xin tiếp thu ý kiến. Hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) riêng cho từng dãy nhà được nghiên cứu tính toán cụ thể ở giai đoạn tiếp theo, nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với điều kiện thực tiễn của dự án. 2. Do các công trình hiện trạng đã được xây dựng từ lâu nên khoảng cách các nhà lớp học hiện trạng chưa đảm bảo các quy định về khoảng cách an toàn PCCC hiện hành. Vì vậy, trong quá trình lập hồ sơ Báo cáo KTKT dự án, Trung tâm sẽ áp dụng các giải pháp giảm trừ theo quy định tại phụ E của Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 01:2023 QCVN 06/2022/BXD để đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC. 2. Xin tiếp thu ý kiến, Hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) riêng cho từng dãy nhà được nghiên cứu tính toán cụ thể ở

STT	Ý kiến của các Sở, ngành	Ý kiến giải trình của CĐT
	được cao quá 9m. 4. Đề nghị chủ đầu tư lập hồ sơ thiết kế đối với hạng mục xây mới của trường và gửi về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố để thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC trước khi cấp phép xây dựng và thi công công trình. - Đối với các hạng mục công trình hiện trạng của trường (trừ Dãy nhà lớp học (ký hiệu CT4) xây 04 tầng diện tích 244,8m* đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC và nghiệm thu về PCCC): Đề nghị chủ đầu tư xác định rõ thời điểm xây dựng công trình, khối tích của công trình và căn cứ theo quy định của pháp luật về PCCC tại thời điểm xây dựng và quy định tại Phụ lục V của Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ để xác định các hạng mục hiện trạng của trường có thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC hay không. Trường hợp thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC thì đề nghị chủ đầu tư lập hồ sơ thiết kế gửi về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố để thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định. Trường hợp không thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC thì vẫn phải tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện an toàn PCCC, thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC và các quy định pháp luật khác về PCCC.	giai đoạn tiếp theo, đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. 4. Hiện nay, chủ đầu tư đã tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dãy nhà B và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Vĩnh Niệm để trình thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định. Tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND quận đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống PCCC đồng bộ. Do đó, trong bước lập Báo cáo KTKT dự án, Trung tâm đã tổ chức thiết kế đầy đủ các hạng mục của hệ thống PCCC đảm bảo các quy định.

STT	Ý kiến của các Sở, ngành	Ý kiến giải trình của CĐT
2	Ý kiến của Sở Xây dựng (tại văn bản số 2152/SXD-QHKT ngày 17/04/2025)	
	Bổ sung căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, số 23/2024/TT-BGDĐT và rà soát phương án thiết kế phù hợp với Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm Thông tư trên; Làm rõ quy định về khoảng cách tối thiểu giữa nhà lớp học xây mới với 02 dãy nhà lớp học ký hiệu CT4, CT5 phải đảm bảo đáp ứng được các quy định về phòng cháy chữa cháy tuân thủ quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy; cập nhật đúng phạm vi, quy mô vào đồ án Quy hoạch phân khu quận Lê Chân do Ủy ban nhân dân dân Quận tổ chức lập kỳ này. Ủy ban nhân dân quận Lê Chân chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ quy hoạch gửi các cơ quan, đơn vị để lấy ý kiến tham gia về nội dung quy hoạch; thực hiện thẩm định đồ án quy hoạch phù hợp với chủ trương đầu tư và quy định pháp luật về đất đai, đầu tư, quy hoạch và các quy định pháp luật hiện hành; đáp ứng các yêu cầu và quy định về quy hoạch xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy; bảo đảm điều kiện cho trẻ em khuyết tật tiếp cận sử dụng và bảo	- Xin tiếp thu ý kiến, đã Bổ sung căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, số 23/2024/TT-BGDĐT trong thuyết minh quy hoạch Do các công trình hiện trạng đã được xây dựng từ lâu nên khoảng cách các nhà lớp học hiện trạng chưa đảm bảo các quy định về khoảng cách an toàn PCCC hiện hành. Vì vậy, trong quá trình lập hồ sơ Báo cáo KTKT dự án, Trung tâm sẽ áp dụng các giải pháp giảm trừ theo quy định tại phụ E của Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD để đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC. Các nội dung trong hồ sơ quy hoạch đảm bảo về tính hợp pháp, chính xác của thông tin, được các đơn vị có chức năng và năng lực thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

STT	Ý kiến của các Sở, ngành	Ý kiến giải trình của CĐT
	đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên. Sau khi đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ rút gọn 1/500 Trường Tiểu học Vĩnh Niệm được phê duyệt, UBND quận Lê Chân có trách nhiệm công bố, công khai quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng theo đồ án được duyệt; Số hóa hồ sơ quy hoạch và các tài liệu liên quan đồng thời gửi Sở Xây dựng, Thanh tra xây dựng mỗi đơn vị 01 bộ hồ sơ bản chính để kiểm tra, theo dõi và lưu trữ.	
3	Ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo (tại văn bản 2648/SGDĐT-KHTC ngày 29/04/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)	
	Đề nghị UBND quận Lê Chân xem xét, báo cáo UBND thành phố bố trí bổ sung quỹ đất nhằm mở rộng diện tích của Nhà trường trong các năm tiếp theo, đảm bảo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Để đảm bảo nhu cầu của nhà trường, đáp ứng các quy định hiện hành, UBND quận Lê Chân đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây mới dãy nhà B và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Vĩnh Niệm để từng bước khắc phục các tồn tại, hạn chế hiện có của nhà trường.